

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày 23-3-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng Logistics

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Thơm và bà Hoàng Thị Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hứa Thùy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc Tranh chấp Hợp đồng Logistics theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV T; địa chỉ: Khu dịch vụ kinh doanh tổng hợp T, cửa khẩu C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị D – Giám đốc; địa chỉ: Khu G, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1998; địa chỉ: Số 160, khu Pi, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. (Giấy ủy quyền ngày 31/10/2021); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Thanh T – Luật sư, văn phòng Luật sư T, đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH sản xuất thương mại H; địa chỉ: Số 9, đường H, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp: Ông Vũ Đình Đ – Giám đốc; địa chỉ: Số 31, tập thể Phân Đạm, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 9 năm 2021 nguyên đơn Công ty TNHH MTV T cũng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty TNHH MTV T và Công ty TNHH sản xuất thương mại H tồn tại quan hệ hợp đồng thương mại, cụ thể là hợp đồng dịch vụ logistics. Trong đó công ty T là bên cung ứng dịch vụ lưu kho, bãi cho công ty H. Đây là hợp đồng dịch vụ không bắt buộc phải lập thành văn bản theo quy định của Luật thương mại năm 2005. Ngày 09/6/2019 Công ty H có đơn xin hạ kho tại Chi cục Hải quan cửa khẩu C cho phép được hạ kho với Container số YMLU5323210 thuộc bộ tờ khai số 500191569550, mặt hàng chân gà đông lạnh vào kho của Công ty T tại cửa khẩu C. Tính đến ngày 20/4/2021 chi phí lưu kho bãi là 789.547.191 đồng, tính đến ngày 10/5/2021 là 812.188.507 đồng, đến ngày 24/5/2021 là 828.037.428 đồng. Do vậy Công ty TNHH MTV T khởi kiện buộc công ty TNHH sản xuất thương mại H phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV T số tiền chi phí dịch vụ lưu giữ Container hàng hóa số YMLU5323210 tính đến thời điểm khởi kiện 24/5/2021 là: 828.037.428 đồng (tám trăm hai mươi tám triệu không trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bổ sung yêu cầu buộc Công ty TNHH sản xuất thương mại H thanh toán lãi chậm trả 10%/năm trên số tiền 828.037.428 đồng kể từ ngày 24/5/2021 đến thời điểm thi hành án xong. Tuy nhiên tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện chỉ yêu cầu Công ty TNHH sản xuất thương mại H phải thanh toán chi phí lưu kho bãi, bốc xếp hàng hóa đối với container số hiệu YMLU5323210, loại hàng: Chân gà đông lạnh thuộc bộ tờ khai số 500191569550 ngày 09/6/2019 gửi ngày 09/6/2019 cho Công ty TNHH MTV T đến ngày xét xử 23/3/2022 số tiền là 669.770.794 đồng (sáu trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn bảy trăm chín tư đồng), ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn Công ty TNHH sản xuất thương mại H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản hợp lệ nhưng không hợp tác, tại văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện số 01/2021/CV-HT ngày 22/10/2021, bị đơn cho rằng từ năm 2019 đến nay Công ty H không có bất kỳ giao dịch hoặc hợp đồng thuê kho nào với Công ty TNHH MTV T. Việc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình thụ lý, giải quyết là chưa phù hợp vì trụ sở của bị đơn ở Hải Phòng, không có thỏa thuận nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn giải quyết tranh chấp. Do vậy phía bị đơn không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 24/02/2022 bị đơn có đơn đề nghị về việc giải quyết vụ án thừa nhận ngày 07/06/2019, Công ty TNHH sản xuất Thương mại H có đăng ký tờ khai vận chuyển độc lập số 500191569550, vận chuyển lô hàng gồm 1.940 kiện “Bàn chân gà đông lạnh” từ kho ngoại quan H đến cửa khẩu C, Lạng Sơn đề xuất hàng theo yêu cầu của khách hàng nước ngoài. Tại cửa khẩu C, Công ty xuất được 1.324 kiện, còn lại 616 kiện hiện đang lưu giữ tại bãi Công ty TNHH MTV T dưới sự giám sát của Chi cục Hải quan cửa khẩu C. Do khó khăn dịch bệnh Covid-19 nên khách hàng không thể nhận phần còn lại. Lô hàng tồn đã quá hạn sử dụng, không đảm bảo chất lượng nên ngày 09/6/2021 Công ty H gửi Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng H khu vực 3 để xin tiêu hủy lô hàng. Hiện nay, Công ty TNHH MTV T không

liên hệ được với khách hàng nước ngoài nên quay ra đòi nợ bị đơn là không có căn cứ pháp luật, bởi lẽ: Theo quy định tại Điều 233 Luật Thương mại 2005 thì: “Dịch vụ logistics là hoạt động thương mại, theo đó thương nhân tổ chức thực hiện một hoặc nhiều công bao gồm nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác liên quan đến hàng hóa thỏa thuận với khách hàng để hưởng thù lao. Dịch vụ logistics được phiên âm theo tiếng Việt là dịch vụ lô-gi-stíc”. Bị đơn cung cấp dịch vụ tạm nhập, tái xuất hàng hóa cho khách hàng, trong đó chỉ thực hiện một phần hoạt động logistics gồm: Làm thủ tục hải quan và giao hàng hóa nơi được chỉ định để được hưởng thù lao. Bị đơn và Công ty TNHH MVT T không có các hợp đồng hoặc văn bản tương đương ghi nhận việc thuê kho bãi. Hàng hóa được chuyển đến kho của Công ty TNHH MTV T theo sự chỉ định của khách hàng. Công ty TNHH MTV T và khách hàng của bị đơn trực tiếp thỏa thuận về việc thuê kho. Các thỏa thuận liên quan đến việc thuê kho, từ tiền thuê hàng tháng, tiền điện phải trả và các chi phí liên quan bị đơn không được biết và không có sự thống nhất, hay bất kỳ sự thỏa thuận nào với Công ty TNHH MTV T. Từ khi hàng hóa được chuyển đến kho của Công ty TNHH MTV T, bị đơn không nhận được bất kỳ thông báo, email công nợ gì của Công ty TNHH MTV T. Vậy nên, không thể nói Công ty TNHH sản xuất thương mại H có giao kết hợp đồng với Công ty TNHH MTV T được.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cùng ý kiến với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Yêu cầu Công ty TNHH sản xuất thương mại H phải thanh toán chi phí lưu kho bãi, bốc xếp hàng hóa đối với container số hiệu YMLU5323210, loại hàng: Chân gà đông lạnh thuộc bộ tờ khai số 500191569550 ngày 09/6/2019 gửi ngày 09/6/2019 cho Công ty TNHH MTV T đến ngày xét xử 23/3/2022 số tiền là 669.770.794 đồng (sáu trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn bảy trăm chín tư đồng), ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án: Khai mạc phiên tòa (Điều 239); xem xét việc có đương sự vắng mặt tại phiên tòa (Điều 241); hỏi đương sự về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện (Điều 243); cho đương sự trình bày yêu cầu và căn cứ chứng minh cho yêu cầu của mình (Điều 248); về thứ tự và nguyên tắc hỏi tại phiên tòa (Điều 249).

Tại phiên tòa bị đơn công ty TNHH sản xuất thương mại H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định tại điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự: Ôn định phiên tòa, phổ biến nội quy phiên tòa, kiểm tra và báo cáo với Hội đồng xét xử danh sách những người được triệu tập đến phiên tòa, ghi biên bản phiên tòa.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 513, Điều 514, Điều 519 Bộ luật Dân sự, Điều 74, Điều 233 Luật Thương mại. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH MTV T. Buộc bị đơn Công ty TNHH sản xuất thương mại H phải thanh toán số tiền bốc xếp hàng hóa và tiền lưu kho bãi đối với container số hiệu YMLU5323210, lô hàng hóa "Chân gà đông lạnh" thuộc tờ khai xuất kho ngoại quan số 500191569550, đã có đơn xin hạ kho số 02/CV-2019 ngày 09/6/2019 xin hạ hàng vào kho lạnh của Công ty TNHH MTV T từ ngày 09/6/2019 đến ngày 23/3/2022. Tổng số tiền bị đơn phải trả là 669.770.794 đ (sáu trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn bảy trăm chín mươi tư đồng). Về án phí: Bị đơn phải chi án phí kinh doanh thương mại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần hai, bị đơn Công ty TNHH sản xuất thương mại H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án tranh chấp hợp đồng Logistics, nơi thực hiện hợp đồng thuộc xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 14 Điều 26, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án được thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp, do Tòa án thu thập được thì nguyên đơn (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 4900669714, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2011; đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại Phòng đăng ký kinh doanh sở kế hoạch đầu tư tỉnh Lạng Sơn) và bị đơn (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0200469085, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 7 năm 2002; đăng ký thay đổi lần thứ 16, ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại Phòng đăng ký kinh doanh sở kế hoạch đầu tư thành phố Hải Phòng) đã có giấy phép kinh doanh, kinh doanh mục đích vì lợi nhuận, Hội đồng xét xử xét thấy vụ án thuộc vụ án kinh doanh thương mại do vậy chuyển quan hệ pháp luật theo quy định

khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các quy định khác của Luật thương mại để giải quyết vụ án.

[3] Công ty TNHH MTV T yêu cầu Công ty TNHH sản xuất thương mại H phải thanh toán chi phí lưu kho bãi, bốc xếp hàng hóa đối với container số hiệu YMLU5323210, loại hàng: Chân gà đông lạnh thuộc bộ tờ khai số 500191569550 ngày 09/6/2019 gửi ngày 09/6/2019 cho Công ty TNHH MTV T đến ngày xét xử 23/3/2022 số tiền là 669.770.794 đồng (sáu trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn bảy trăm chín tư đồng). Đối với vấn đề này Tòa án thấy:

[4] Theo Công văn số 419/HQLS-GSQL ngày 28/02/2022 về việc cung cấp thông tin, tài liệu của Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn thì ngày 09/6/2019 Công ty TNHH sản xuất thương mại H (mã số thuế 0200469085) có đăng ký làm thủ tục Hải quan xuất khẩu lô hàng hóa chân gà đông lạnh thuộc tờ khai xuất kho ngoại quan số 500191569550 ngày 07/6/2019 đăng ký tại Hải quan cửa khẩu Cảng H khu vực 3, tuy nhiên phía Trung Quốc chưa thể nhận hàng và Container chứa hàng hóa bị hỏng không đảm bảo điều kiện bảo quản hàng hóa đông lạnh và Công ty TNHH sản xuất thương mại H đã có đơn số 02/CV-2019 ngày 09/6/2019 xin hạ hàng vào kho lạnh của Công ty TNHH MTV T để bảo quản hàng hóa chờ xuất khẩu theo quy định, tổng số kiện hàng gửi kho là 1.940 kiện, tổng trọng lượng theo tờ khai là 29.100 kg. Đến thời điểm hiện tại số lượng hàng chưa xuất được là 616 kiện đang được lưu giữ trong Container lạnh số YMLU5323210 tại địa điểm tập kết, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Công ty TNHH MTV T tại Cửa khẩu C để chờ xuất khẩu. Hàng hóa xuất khẩu thuộc đối tượng chịu sự giám sát của Hải quan, chi cục Hải quan cửa khẩu C vẫn đang thực hiện quản lý, giám sát hải quan theo quy định.

[5] Theo Công văn số 1541/HQKV-GSHQ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc cung cấp thông tin của Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng H khu vực 3: Ngày 07/6/2019 Công ty TNHH sản xuất thương mại H có đăng ký tờ khai vận chuyển độc lập số 500191569550 tại Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng H khu vực 3, vận chuyển lô hàng gồm 1.940 kiện/29.100 kg (gross weight)/28.000 kg (net weight) “bàn chân gà đông lạnh” thuộc Container lạnh số YMLU5323210 từ kho ngoại quan H đến cửa khẩu C, Lạng Sơn xuất hàng theo yêu cầu của khách hàng. Tại cửa khẩu C, công ty xuất được 1.324 kiện, còn lại 616 kiện (tương đương 9.240 kg) hiện đang lưu giữ tại bãi của Công ty TNHH MTV T dưới sự giám sát của Chi cục Hải quan cửa khẩu C.

[6] Theo Công văn số 1522/HQCM-NVHQ ngày 03/11/2021 của Chi cục Hải quan cửa khẩu C, biên bản xác minh ngày 19/01/2022 tại Chi cục Hải quan cửa khẩu C cùng ý kiến với Công văn số 419/HQLS-GSQL ngày 28/02/2022 về việc cung cấp thông tin, tài liệu của Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn. Về chi phí thuê kho bãi Chi cục không nắm được và không thuộc thẩm quyền quản lý. Việc khởi kiện Logistics giữa nguyên đơn và bị đơn, Chi cục Hải quan không liên quan nên đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[7] Tại bản khai ngày 02/3/2022 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày nội dung theo Bảng kê giao nhận hàng xuất nhập kho lạnh giữa đại diện 2 bên công ty T và công ty H là anh Nguyễn Đức H và anh Vũ Đức T:

[7.1] Theo biên bản hạ kho ngày 09/6/2019 tổng số kiện hạ kho vào kho của Công ty T là 1940 kiện. Tuy nhiên trong quá trình đưa hàng vào kho của Công ty T, Công ty H đã xuất đi 580 kiện, thực tế số hàng gửi kho tại Công ty T trong ngày 09/6/2019 là 1360 kiện. Trong bảng kê cũng thể hiện số kiện hạ kho trong ngày 09/6/2019 là 1360 kiện.

[7.2] Ngày 10/6/2019 Công ty H không xuất được 580 kiện nên lại nhập vào kho của công ty T. Tổng số kiện gửi kho đến ngày 10/6/2019 là 1940 kiện.

[7.3] Ngày 15/6/2019 Công ty H tiếp tục xuất đi 534 kiện, số kiện tồn lại trong kho là 1406 kiện

[7.4] Ngày 18/6/2019 Công ty H tiếp tục nhập vào kho của công ty T 533 kiện. Số kiện tồn lại trong kho là 1939 kiện

[7.5] Ngày 30/6/2019 Công ty H xuất đi 550 kiện

[7.6] Ngày 01/7/2019 Công ty H nhập kho 399 kiện, số kiện tồn lại trong kho là 1788 kiện. Cùng ngày xuất đi 400 kiện số kiện tồn lại trong kho là 1388 kiện

[7.7] Ngày 18/7/2019 Công ty H xuất đi 400 kiện

[7.8] Ngày 20/7/2019 Công ty H tiếp tục nhập kho 399 kiện, số kiện tồn lại trong kho là 1387 kiện

[7.9] Ngày 19/8/2019 Công ty H xuất đi 503 kiện

[7.10] Ngày 20/8/2019 Công ty H tiếp tục nhập kho 351 kiện, số kiện tồn lại trong kho là 1235 kiện

[7.11] Ngày 18/10/2019 Công ty H xuất kho 1235 kiện

[7.12] Ngày 21/10/2019 Công ty H nhập kho 616 kiện, số kiện tồn lại trong kho là 616 kiện

[7.13] Ngày 25/10/2019 Công ty H xuất đi 616 kiện

[7.14] Ngày 27/10/2019 Công ty H tiếp tục nhập kho 616 kiện

[7.15] Tính từ ngày 27/10/2019 đến nay Công ty H không xuất bất cứ kiện hàng nào ra khỏi kho công ty T.

[7.16] Tổng số kiện nhập vào kho của công ty T từ ngày 09/6/2019 đến nay là 1940 kiện, xuất kho 1324 kiện, số kiện tồn còn lại là 616 kiện.

[8] Theo các tài liệu chứng cứ nêu trên thì giữa Công ty TNHH MTV T và Công ty TNHH sản xuất thương mại H tồn tại quan hệ hợp đồng Logistics được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 233 của Luật thương mại năm 2005: Hợp đồng thương mại không bắt buộc hai bên phải lập thành văn bản, nhưng dịch vụ

Logistics phải phát sinh trên thực tế. Theo đó, qua các tài liệu chứng cứ thu thập được tại Công văn số 1522/HQCM-NVHQ ngày 03/11/2021 của Chi cục Hải quan cửa khẩu C, biên bản xác minh ngày 19/01/2022 tại Chi cục Hải quan cửa khẩu C; Công văn số 1541/HQKV-GSHQ ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc cung cấp thông tin của Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Hải Phòng khu vực 3; Công văn số 419/HQLS-GSQL ngày 28/02/2022 về việc cung cấp thông tin, tài liệu của Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn thì có căn cứ khẳng định Công ty TNHH MTV T làm dịch vụ cung ứng và Công ty TNHH sản xuất thương mại H có nhu cầu sử dụng cụ thể: Công ty TNHH sản xuất thương mại H có đơn xin hạ kho số 02/CV-2019 ngày 09/6/2019 đề nghị gửi hàng chân gà đông lạnh Container số hiệu số YMLU5323210 thuộc bộ tờ khai số 500191569550 vào kho lạnh tại địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Công ty TNHH MTV T tại cửa khẩu C, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[9] Chi phí thuê kho bãi: Qua xác minh giá thuê kho bãi của Công ty TNHH MTV T tại Quyết định tạm thu thuế dịch vụ thuê kho và tiền cầm điện ba pha cho xe Container đông lạnh tại địa điểm tập kết khu vực cửa khẩu C, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn thuộc Công ty TNHH MTV T số 01/QĐ-TQN 2019 ngày 08/4/2019 áp dụng đối dịch vụ hàng gửi kho hàng đông lạnh là 60.000/ngày/tấn phù hợp với Công ty TNHH thương mại H (mã số thuế: 4900531949) ngày 01/01/2019 tại khu kinh tế cửa khẩu C, thôn C, huyện L. Chi phí bốc xếp hàng hóa từ xe vào bãi ngày 09, 10/6/2019 là 2.000.000 đồng (bao gồm giá bốc xếp hàng hóa từ bãi sang xe: 40.000 đồng/tấn và xe vào bãi là 40.000 đồng/ tấn đối với 29,67 tấn phù hợp với Thông báo số 14/TB-STC-QLG & TS ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn về Giá dịch vụ Bốc xếp hàng hóa bằng thủ công tại địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu cửa khẩu C, huyện Lộc Bình thuộc Công ty TNHH MTV T quản lý, khai thác; Quyết định số 1646/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về quy định giá dịch vụ xe ô tô ra, vào địa điểm tập kết, kiểm tra hàng hóa xuất nhập khẩu tại Cửa khẩu C, huyện L thuộc Công ty TNHH MTV T quản lý, khai thác .

[10] Tại phiên tòa hôm nay Công ty TNHH MTV T thay đổi nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty TNHH sản xuất thương mại H phải thanh toán chi phí lưu kho bãi, bốc xếp hàng hóa đối với container số hiệu YMLU5323210, loại hàng: Chân gà đông lạnh thuộc bộ tờ khai số 500191569550 ngày 09/6/2019 gửi ngày 09/6/2019 cho Công ty TNHH MTV T đến ngày xét xử 23/3/2022 số tiền là 669.770.794 đồng (sáu trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn bảy trăm chín tư đồng), cụ thể: Ngày 09/6/2019: 01 ngày x 20.79 tấn x 60.000đồng = 1.247.400 đồng; ngày 10/6/2019 đến 15/6/2019: 06 ngày x 29.67 tấn x 60.000đ = 10.681.200 đồng; ngày 16/6/2019 đến 17/6/2019: 02 ngày x 21.51 tấn x 60.000đ = 2.580.824 đồng; ngày 18/6/2019 đến 30/6/2019: 13 ngày x 29.65 tấn x 60.000đ = 23.130.676 đồng; ngày 01/7/2019: 01 ngày x 27.35 tấn x 60.000đ = 1.640.721 đồng; ngày 02/7/2019 đến 18/7/2019: 17 ngày x 21.23 tấn x 60.000đ = 21.652.376 đồng; ngày 20/7/2019 đến 19/8/2019: 31 ngày x 21.21 tấn x 60.000đ = 39.450.063 đồng; ngày 20/8/2019 đến 18/10/2019: 60 ngày x 18.87 tấn x 60.000đ

= 67.923.947 đồng; ngày 21/10/2019 đến 25/10/2019: 5 ngày x 9.42 tấn x 60.000đ = 2.824.994 đồng; ngày 27/10/2019 đến 24/5/2021: 576 ngày x 9.42 tấn x 60.000đ = 325.439.322 đồng; ngày 25/5/2021-28/02/2022: 280 ngày x 9.42 tấn x 60.000đ = 158.199.671 đồng; ngày 28/02/2022 đến 23/3/2022: 23 ngày x 9.42 tấn x 60.000đ = 12.999.600 đồng. Tiền phí bốc xếp hàng từ xe vào bãi ngày 09, 10/6/2019 là: 2.000.000 đồng. (Bao gồm giá bốc xếp từ xe sang xe: 40.000 đ/ tấn và xe vào kho 40.000 đ/ tấn đối với 29.67 tấn). Tổng: 669.770.794 đồng, không yêu cầu Công ty TNHH sản xuất thương mại H thanh toán lãi chậm trả 10 %/năm trên số tiền 828.037.428 đồng kể từ ngày 20/5/2021 đến thời điểm thi hành án xong. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi vẫn thuộc phạm vi khởi kiện ban đầu của nguyên đơn nên được chấp nhận.

[11] Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận. Bị đơn Công ty TNHH sản xuất thương mại H khẳng định không có các hợp đồng hoặc văn bản tương đương ghi nhận việc thuê kho bãi. Hàng hóa được chuyển đến kho của Công ty TNHH MTV T theo sự chỉ định của khách hàng. Công ty TNHH MTV T và khách hàng của bị đơn trực tiếp thỏa thuận về việc thuê kho. Các thỏa thuận liên quan đến việc thuê kho, từ tiền thuê hàng tháng, tiền điện phải trả và các chi phí liên quan bị đơn không được biết và không có sự thống nhất, hay bất kỳ sự thỏa thuận nào với Công ty TNHH MTV T. Với các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã thể hiện rõ Container số hiệu số YMLU5323210 thuộc bộ tờ khai số 500191569550 hàng chân gà đông lạnh là của Công ty TNHH sản xuất thương mại H.

[12] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đưa ra có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[13] Đối với ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[14] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí, nguyên đơn không phải chịu án phí. Công ty Công ty TNHH sản xuất thương mại H phải chịu 30.790.832 đồng (ba mươi triệu bảy trăm chín mươi nghìn tám trăm ba mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch sung Ngân sách Nhà nước. Hoàn trả Công ty TNHH MTV T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.420.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0005012 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5; khoản 14 Điều 26; khoản 1 Điều 30; điểm g khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 117; Điều 274; Điều 275; Điều 513; Điều 514; Điều 519; Điều 554; Điều 561; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 29, Điều 233 Luật Thương mại năm 2005; Điều 46, 48 Luật Hải quan năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV T về việc Tranh chấp hợp đồng dịch vụ Logistics với bị đơn Công ty TNHH sản xuất thương mại H.

Buộc Công ty TNHH sản xuất thương mại H phải thanh toán chi phí lưu kho bãi, bốc xếp hàng hóa đối với container số hiệu YMLU5323210, loại hàng: Chân gà đông lạnh thuộc bộ tờ khai số 500191569550 ngày 09/6/2019 gửi ngày 09/6/2019 cho Công ty TNHH MTV T đến ngày xét xử 23/3/2022 số tiền là 669.770.794 đồng (sáu trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn bảy trăm chín tư đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Công ty Công ty TNHH sản xuất thương mại H phải chịu 30.790.832 đồng (ba mươi triệu bảy trăm chín mươi nghìn tám trăm ba mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch sung Ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả Công ty TNHH MTV T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.420.000 đồng (mười tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0005012 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND hLộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h.L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
-
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

